

Bản án số: **102/2018/DS-PT**

Ngày: 22-01-2018

V/v tranh hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Bà Bùi Ngọc Anh

Các thẩm phán:

Ông Lê Công Toại

Ông Nguyễn Hồng Ân

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Phan Văn Kiên - Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Hồ Thị Kim Oanh**

Vào các ngày 15 và ngày 22 tháng 01 năm 2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 610/2016/TLPT- DS ngày 04 tháng 11 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2016/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân Quận 2- Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 732/2016/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 7405/2017/QĐPT-DS ngày 20-12-2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Anh D, sinh năm 1964

Địa chỉ: 10.09 Khối F Lô N Chung cư 17.3ha Khu phố 1, phường A, Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Thanh H, sinh năm: 1977

Giấy uỷ quyền số 000012070 ngày 05-10-2015

Có mặt

Bị đơn: Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1965

Địa chỉ: 311A13 Tổ 30 Khu phố 3, phường B, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh

Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

Luật sư Phạm Tuấn A- Công ty luật TNHH HV

Có mặt

Địa chỉ: A2/6 đường G, Phường G1, Quận G2, TP Hồ Chí Minh

NHẬN THẤY:

I- NỘI DUNG VỤ ÁN:

1- Nguyên đơn trình bày:

Ông Đặng Anh D và bà Trần Thị Kim C là vợ chồng, đã ly hôn theo Quyết định số 211/2013/QĐST-HNGĐ ngày 14 ngày 10 ngày 2013 của Tòa án nhân dân Quận 2.

Vì hai bên không thống nhất được việc tự bán và Ca trị giá căn nhà trong thời hạn

06 tháng như nội dung Quyết định số 211/2013/QĐST-HNGĐ ngày 14 ngày 10 ngày 2013 nên ông D yêu cầu thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2.

Ngày 06 tháng 02 năm 2015, tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, ông D bà C cùng thống nhất giá trị tài sản căn nhà đất số 311A13 Tổ 30 Khu phố 3, phường B, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh là 6.000.000.000 đồng. Bà C nhận căn nhà và trả cho ông D số tiền 3.000.000.000 đồng. Ông D bà C đã thực hiện thỏa thuận và thi hành án xong, không còn tranh chấp.

Ngày 10 tháng 02 năm 2015, ông Đặng Anh D và bà Trần Thị Kim C tự nguyện thỏa thuận, ký kết Hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm, có xác nhận công chứng số 000001733 tại Văn phòng công chứng Thủ Đức (gọi tắt Hợp đồng vay ngày 10-02-2015). Theo hợp đồng, ông D cho bà C vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 năm (từ ngày 10-02-2015 đến 10-02-2017); Mục đích vay để kinh doanh; Địa điểm và phương thức giao tiền vay ngay sau khi ông D bà C ký hợp đồng, việc giao nhận tiền do các bên tự thực hiện. Cùng ngày 10-02-2015, ông D bà C tự thực hiện việc giao nhận tiền và lập giấy cam kết trả vốn và lãi hàng tháng theo mức lãi suất là 0,62%/tháng. Số tiền lãi cụ thể hàng tháng bà C phải thanh toán cho ông D là 2.480.000 đồng/tháng ($400.000.000đ \times 0,62\%/tháng$).

Quá trình thực hiện trả lãi, bà Trần Thị Kim C đã thực hiện thanh toán lãi phát sinh từ ngày 10-02-2015 đến ngày 10-06-2015 (04 tháng), với số lãi đã thanh toán là 9.920.000 đồng. Sau đó bà C không tiếp tục trả lãi, ông D liên lạc nhắc nhở nhiều lần nhưng bà C không thanh toán lãi phát sinh. Ngày 20-10-2015, ông D khởi kiện bà C ra Tòa án nhân dân Quận 2, với các yêu cầu: Buộc bà Trần Thị Kim C phải trả cho ông Đặng Anh D số nợ gốc là 400.000.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 10-06-2015 đến ngày 10-10-2015 là 9.920.000 đồng.

Ngày 16-05-2016, ông Đặng Anh D có Đơn khởi kiện thay đổi, bổ sung yêu cầu: Buộc bà Trần Thị Kim C phải thanh toán số lãi đã phát sinh còn nợ là 19.280.000 đồng, và lãi phát sinh tiếp tục cho đến khi trả hết nợ gốc. Và yêu cầu bà Trần Thị Kim C thực hiện trả nợ gốc theo đúng thời hạn cam kết tại Hợp đồng vay ngày 10-02-2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định yêu cầu:

1/ Buộc bà Trần Thị Kim C phải thanh toán số lãi đã phát sinh còn nợ là 26.720.000 đồng, và lãi tiếp tục phát sinh trên nợ gốc 400.000.000 đồng từ ngày 10-08-2016 đến ngày 10-02-2017, theo mức lãi suất 0,62%/tháng thỏa thuận tại Giấy cam kết ngày 10-02-2015.

2/ Ghi nhận quyền của ông Đặng Anh D đối với nghĩa vụ của bà Trần Thị Kim C phải có trách nhiệm trả nợ gốc 400.000.000 đồng, chậm nhất đến ngày 10-02-2017, theo đúng thời hạn cam kết tại Hợp đồng vay ngày 10-02-2015.

2. Bị đơn trình bày:

Bà Trần Thị Kim C thừa nhận có ký Hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm ngày 10-02-2015 tại Văn phòng công chứng Thủ Đức và Giấy cam kết ngày 10-02-2015 với ông Đặng Anh D nhưng thực tế giữa bà C và ông Đặng Anh D không có việc giao nhận số tiền 400.000.000 đồng.

Số tiền 400.000.000 đồng ghi tại Hợp đồng vay ngày 10-02-2015 thực chất là khoản tiền thỏa thuận để thực hiện việc thi hành án về phân chia tài sản vợ chồng khi ly hôn. Để thực hiện việc thi hành án, bà C và ông D thống nhất thỏa thuận về giá trị tài sản đối với căn nhà số 311-A13 khu tái định cư Thủ Thiêm, khu phố 3, phường B,

Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh là 6.000.000.000 đồng, bà C lấy căn nhà nên phải thanh toán cho ông D số tiền 3.000.000.000 đồng. Thực hiện thỏa thuận này, bà C đã thanh toán đủ cho ông D số tiền 3.000.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án Quận 2. Ông D đã nhận đủ tiền nhưng không giao cho bà C hồ sơ, giấy tờ chủ quyền của căn nhà mà ông D áp lực tâm lý đối với bà C, buộc bà C phải ký kết Hợp đồng vay ngày 10-02-2015 xong thì ông D mới chịu giao hồ sơ, giấy tờ chủ quyền căn nhà cho bà C.

Theo bà C trình bày: Ông Đặng Anh D áp lực tâm lý với bà C về thống nhất giá trị đối với căn nhà là 6.800.000.000 đồng, mỗi bên (ông D và bà C) nhận khoản tiền là 3.400.000.000 đồng. Vì muốn sớm giải quyết xong việc thi hành án nên bà C buộc phải ký kết với ông D hợp đồng vay ngày 10-02-2015 để vay số tiền 400.000.000 đồng. Thực chất khoản tiền này không có vay mượn thực, không có việc giao nhận tài sản vay. Tại phiên tòa bà C không đồng ý trả số nợ gốc 400.000.000 đồng và lãi phát sinh như ông Đặng Anh D yêu cầu. Bị đơn xác định không có yêu cầu phản tố trong vụ án này.

II- Nội dung quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà Trần Thị Kim C có trách nhiệm trả cho ông Đặng Anh D số tiền lãi (phát sinh từ Hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm ngày 10-02-2015 và Giấy cam kết ngày 10-02-2015), tính đến ngày 10-08-2016 là 26.720.000 đồng. Thanh toán một lần, thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Lãi tiếp tục phát sinh trên nợ gốc 400.000.000 đồng từ ngày 11-08-2016 đến ngày 10-02-2017 theo mức lãi suất thỏa thuận là 0,62%/tháng.

Ghi nhận quyền của ông Đặng Anh D đối với nghĩa vụ của bà Trần Thị Kim C phải có trách nhiệm thanh toán số nợ gốc 400.000.000 đồng đúng hạn, chậm nhất đến ngày 10-02-2017 theo cam kết tại Hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm ngày 10-02-2015 và Giấy cam kết ngày 10-02-2015.

Bản án sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

III- Kháng cáo:

Đơn kháng cáo đề ngày 29-8-2016 của bà Trần Thị Kim C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm như sau:

- Thực tế của vụ án bắt nguồn từ việc tôi và ông D ly hôn. Căn nhà tài sản chung được công ty thẩm định giá VA định giá vào tháng 01-2015 là 5,8 tỷ đồng, Chia cho mỗi người một nửa. Tuy nhiên, ông D đã yêu cầu giá cao hơn là 6,8 tỷ đồng. Vì tôi muốn giữ lại căn nhà để nuôi con nên tôi đã thanh toán cho ông D 3 tỷ đồng, còn lại 400 triệu đồng ông D đã cho tôi (được ghi nhận trong đĩa CD). Thực tế không có việc vay tiền giữa tôi và ông Đặng Anh D số tiền 400.000.000 đồng. Ông Đặng Anh D ép buộc tôi ký giấy nợ không 400 triệu đồng thì ông D mới chịu ký tên và giao giấy tờ nhà cho tôi. Nếu tôi không chịu ký thì ông D sẽ không giao nhà cho tôi làm ăn và nuôi con, hơn nữa còn dọa tôi đưa phát mãi căn nhà. Vì nghĩ cho con để giữ lại căn nhà nên tôi đã buộc phải ký tên.

- Hợp đồng và giấy cam kết đều do ông D soạn sẵn và tôi không tự nguyện ý kết. Tất cả là mưu đồ của ông D nhằm lừa đảo để ép buộc tôi ký. Chính hợp đồng vay số tiền 400 Triệu đồng đó là vô hiệu. Cho nên không có phát sinh việc trả lãi như toà án Quận 2 đã tuyên số tiền lãi là 26.720.000 đồng. Việc ông D yêu cầu tôi phải trả tiền lãi

với ý đồ là nhằm hợp pháp hoá hợp đồng vay tiền, để sau này có cơ sở để kiện đòi tôi trả số tiền gốc là 400 triệu đồng.

Toà án nhân dân Quận 2 đã không đánh giá toàn diện vụ án và chứng cứ, không làm rõ bản chất sự việc. Vì vậy đã tuyên xử không công bằng và khách quan.

IV- Tại phiên tòa phúc thẩm:

1. Bà Trần Thị Kim C trình bày:

Bà C giữ nguyên nội dung kháng cáo được trình bày trong Đơn kháng cáo đề ngày 29-8-2016 và trình bày thêm như sau:

Quá trình Toà án nhân dân Quận 2 thụ lý hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, tôi có đề nghị Tòa án xem xét chứng cứ là nội dung ghi âm tại cơ quan thi hành án để xác định thực tế có việc vay tiền không nhưng cấp sơ thẩm không xem xét. Kết quả giám định của Viện khoa học hình sự phía Nam - Bộ công an xác định giọng nói được bà C thu âm và giọng của ông D trong mẫu so sánh do cơ quan công an thu thập là của cùng một người, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chứng cứ này để đảm bảo quyền lợi cho tôi, nội dung ghi âm thể hiện ông D gây áp lực buộc tôi phải ký giấy nhận nợ để ông D không làm ảnh hưởng đến tâm lý của con trai chúng tôi (tên Niên) đang trong thời gian ôn thi tốt nghiệp cấp 3 chuẩn bị thi đại học.

Lý do nữa là ký hợp đồng vay tiền của ông D, tôi tin vào lời hứa của ông D tại cơ quan thi hành án Quận 7 mặc dù yêu cầu tôi ký giấy nhận nợ nhưng sẽ không đòi và mỗi tháng tôi đưa một triệu mấy triệu trung để ông D uống cà phê, đổ xăng xe ô tô. Tôi đã đưa cho ông D được mấy tháng, không đề nghị Tòa án xem xét đối với số tiền này.

Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, không chấp nhận yêu cầu đòi 400.000.000 đồng và lãi phát sinh của ông Đặng Anh D.

2. Đại diện được ủy quyền của ông Đặng Anh D trình bày:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Kim C vì: Ông D và bà C không lập văn bản về việc giao nhận tiền. Việc bà C vay ông D 400.000.000 đồng được thể hiện trong Hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm được Văn phòng công chứng Thủ Đức chứng nhận ngày 10-02-2015 và Giấy cam kết ngày 10-2-2015. Thực tế, bà C đã thực hiện trả lãi cho ông D. Nguyên đơn không có ý kiến đối với kết quả giám định của cơ quan công an, chỉ căn cứ hợp đồng vay tiền và cam kết của bà C để đòi nợ.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm y án sơ thẩm.

3. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị Kim C trình bày:

Hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm ký không, thực chất không có việc các bên giao nhận tiền vay. Bà C ký hợp đồng này do bị ông D gây áp lực được thể hiện trong nội dung được bà C ghi âm tại thời gian 29'50, ràng buộc bà C hai vấn đề là giấy nhận nợ và thân phận của thằng N (con trai).

Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà C, không chấp nhận yêu cầu đòi 400.000.000 đồng của ông Đặng Anh D.

4)- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Kháng cáo của bà Trần Thị Kim C còn trong thời hạn qui định của pháp luật
- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 như: thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và ra thông báo thụ lý phúc thẩm; ra quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng thành phần; tiến hành xét xử phúc thẩm trong phạm vi thẩm quyền.

Trình tự thủ tục tại phiên tòa tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung kháng cáo:

Ông Đặng Anh D và bà Trần Thị Kim C là vợ chồng ly hôn theo Quyết định số 211/2013/QĐST-HNGĐ ngày 14-10-2013 của Tòa án nhân dân Quận 2 Thành phố Hồ Chí Minh. Vì hai bên không thống nhất được việc tự bán và chia trị giá căn nhà trong thời hạn 6 tháng nên ông D đã yêu cầu thi hành án. Ngày 06-02-2015, tại C cục Thi hành án dân sự Quận 2, ông D và bà C cùng thống nhất giá trị căn nhà 311-A13 khu tái định cư Thủ Thiêm, khu phố 3, phường B, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh là 6.000.000.000 đồng.

Bà C đã giao cho ông D 3.000.000.000 đồng tại C cục Thi hành án dân sự Quận 2, ông D yêu cầu được nhận 3.400.000.000 đồng thì mới giao giấy tờ nhà nên hai bên ra văn phòng công chứng và bà C ký giấy nhận nợ 400.000.000 đồng, mỗi tháng trả lãi 1.000.000 đồng, ông D cho bà C nợ 1-2 năm, nếu tới 2 năm bà C biết điều thì cho nợ tiếp.

Như vậy, có cơ sở xác định Hợp đồng vay tiền và Giấy cam kết bà C ký ngày 10-02-2015 là do ông D đòi $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là 3.400.000.000 đồng, bà C giao 3.000.000.000 đồng, còn 400.000.000 phải viết giấy nợ nên không thể có việc ông D giao tiền cho bà C.

Ông D ràng buộc bà C hai vấn đề trong đó có giấy nợ; Qua đoạn ghi âm thể hiện bà C không đồng ý giao 3.400.000.000 đồng (*bà C vừa phải trả nợ cho ngân hàng vừa phải trả cho ông D*), nhưng do chấp hành viên là cô Ng dịch như vậy là cho bà C, nên bà C ký giấy nhận nợ. Nội dung này thể hiện ở phút thứ 14,55 của đoạn ghi âm: cô Ng nói “*Đàn ông, con trai phải có sỹ diện của nó ... nếu ông nói thẳng lấy 3.000.000.000 đồng thì coi như ông đã nhường, đã thua chị rồi*”

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Kim C; Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 40/2016/DS-ST ngày 16-8-2016 của Tòa án nhân dân Quận 2 Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Anh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; luật sư; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm

sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Kim C nộp Tòa án trong thời hạn qui định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] - Về nội dung kháng cáo:

- Ông Đặng Anh D khởi kiện bà Trần Thị Kim C đòi tiền cho vay 400.000.000 đồng và lãi phát sinh theo mức lãi suất là 0,62%/tháng căn cứ Hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm ký ngày 10 tháng 02 năm 2015, có xác nhận công chứng số 000001733 tại Văn phòng công chứng Thủ Đức. Việc giao nhận tiền, theo nguyên đơn khai là được thực hiện khi lập Giấy cam kết ngày 10-02-2015.

Xem xét chứng cứ nhận tiền mà nguyên đơn xuất trình nhận thấy Giấy cam kết lập ngày 10-2-2015, bà C ghi: *“Hiện tại, tôi có mượn của ông Đặng Anh D số tiền là 400.000.000 đồng có kèm theo giấy chứng nhận của Phòng công chứng.”*, nội dung này không phải là biên nhận tiền.

- Đơn kháng cáo đề ngày 29-8-2016 và trình bày của bà Trần Thị Kim C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Số tiền 400.000.000 đồng ghi tại Hợp đồng vay ngày 10-02-2015 thực chất là khoản tiền thỏa thuận để thực hiện việc thi hành án về phân chia tài sản vợ chồng khi ly hôn. Tại cơ quan thi hành án, bà C và ông D thống nhất thỏa thuận về giá trị căn nhà số 311-A13 khu tái định cư Thủ Thiêm, phường B, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh là 6.000.000.000 đồng, bà C lấy căn nhà nên phải thanh toán cho ông D số tiền 3.000.000.000 đồng. Thực hiện thỏa thuận này, bà C đã thanh toán đủ cho ông D số tiền 3.000.000.000 đồng tại Cục Thi hành án Quận 2. Ông D đã nhận đủ 3.000.000.000 đồng nhưng không cho bà C hồ sơ, giấy tờ chủ quyền của căn nhà mà ông D áp lực tâm lý buộc bà C phải ký Hợp đồng vay ngày 10-02-2015 xong thì ông D mới chịu giao hồ sơ, giấy tờ chủ quyền căn nhà cho bà C. Thực chất khoản tiền này không có vay mượn thực, không có việc giao nhận tài sản vay.

Chứng cứ chứng minh cho nội dung kháng cáo của mình là nội dung ghi âm được bà C thu lại (ông D không biết việc thu âm này) trong buổi làm việc tại Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 2. Tại phiên tòa phúc thẩm bà C khai chứng cứ này đã được đưa từ cấp sơ thẩm nhưng không được xem xét, đề nghị cấp phúc thẩm giám định giọng nói của ông Đặng Anh D trong nội dung đã được ghi âm.

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ công an (Phân viện thành phố Hồ Chí Minh) tiến hành các thủ tục theo qui định của pháp luật để giám định giọng nói được ghi âm do bà C cung cấp có phải là của ông Đặng Anh D không. Kết quả giám định như sau: *“Tiếng nói của người đàn ông trong mẫu cần giám định và và tiếng nói của ông Đặng Anh D trong mẫu so sánh là của cùng một người”*

- Xem xét nội dung ghi âm đã được giám định giọng nói là của ông D và các chứng cứ trong hồ sơ, hội đồng xét xử nhận thấy:

- Tại Biên bản Thi hành án ngày 06-02-2015 về việc thi hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, ông D và bà C thỏa thuận giá trị căn nhà 311-A13 Khu nhà tái định cư Thủ Thiêm, phường B, Quận B1 là 6.000.000.000 đồng, bà C trả ông D 3.000.000.000 đồng, ông D giao cho bà C hồ sơ

bản chính của căn nhà. Thực hiện thỏa thuận, các bên đã thực hiện giao tiền và giao hồ sơ vào ngày 10-02-2015.

- Trong nội dung ghi âm thể hiện ông D yêu cầu bà C phải thỏa thuận ngoài nội dung đã thỏa thuận trong Biên bản Thi hành án ngày 06-02-2015, giá trị căn nhà là 6.800.000.000 đồng, bà C phải đưa thêm cho ông D 400.000.000 đồng nữa bằng hình thức ký giấy nhận nợ (phút thứ 29'50", tiếng ông D nói: *Tôi ràng buộc bà hai vấn đề, một là tờ giấy nợ, hai là thằng Niên. Về thân phận của nó, có hay không có tôi không cần biết, tôi chỉ cần nói là tinh thần nó sụp đổ hết. Tôi đã nói rồi, con đường tôi mở ra đó có nghĩa là tôi cho bà đó, cái đầu bà để đầu đó*). Trình bày của bà C cho rằng ông Đặng Anh D gây áp lực tâm lý buộc phải ký Giấy nhận nợ là có căn cứ.

Điều 132 Bộ luật dân sự 2005 qui định: “ *Đe dọa trong giao dịch là hành vi cố ý của một bên hoặc người thứ ba làm cho bên kia buộc phải thực hiện giao dịch nhằm tránh thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, uy tín, nhân phẩm, tài sản của mình hoặc của cha, mẹ, vợ, chồng, con của mình.*”

Về thực chất không có việc vay tiền, không có việc giao nhận tài sản vay. Do ông D cố ý gây áp lực buộc bà C phải ký giao dịch, nên giao dịch dân sự này vô hiệu

Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Kim C, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Anh D, sửa bản án sơ thẩm.

Do tại cấp phúc thẩm, đương sự mới yêu cầu giám định chứng cứ nên cấp sơ thẩm không có lỗi.

Đối với các khoản tiền mà bà C đã trả cho ông D từ giao dịch vô hiệu, do bà C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Đối với C phí giám định là 6.120.000 đồng, ông D phải chịu do không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

V- Về án phí:

- *Án phí sơ thẩm:* Ông Đặng Anh D phải chịu án phí trên yêu cầu không được chấp nhận.

- *Án phí phúc thẩm:* Do sửa bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

IV) Về ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Kim C, sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015,

1- Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Kim C, sửa bản án sơ thẩm, cụ thể như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Anh D buộc bà Trần Thị Kim C phải trả 400.000.000 đồng và lãi phát sinh 26.720.000 đồng, tổng cộng yêu cầu không được chấp nhận là 426.720.000 đồng.

Ông Đặng Anh D phải trả cho bà Trần Thị Kim C chi phí giám định mà bà C đã nộp cho cơ quan giám định theo Phiếu thu số 04 ngày 04-12-2017 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày là 6.120.000 đồng.

2- Án phí:

- *Án phí sơ thẩm:*

Ông Đặng Anh D phải chịu án phí sơ thẩm là 21.068.800 đồng, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 10.198.400 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AC/2012/03767 ngày 28-10-2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 Thành phố Hồ Chí Minh, ông Đặng Anh D còn phải nộp thêm 10.870.400 đồng.

- *Án phí Phúc thẩm:*

Bà Trần Thị Kim C được nhận lại tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp 200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AC/2012/04843 ngày 29-8-2016 tại C cục Thi hành án dân sự Quận 2 Thành phố Hồ Chí Minh

Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP HCM;
- TAND Quận 2;
- C cục Quận 2;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (Oanh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Ngọc Anh